

Số: 55/NQ-HĐND

Châu Thành, ngày 03 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025
nguồn vốn ngân sách huyện**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA XII, KỲ HỌP LẦN THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 233/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách huyện;

Xét Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung nội dung Nghị quyết số 233/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách huyện như sau:

1. Tổng số vốn điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách huyện là **107.771 triệu đồng**, bao gồm:

- Vốn đầu tư tập trung: 97.771 triệu đồng.

+ Vốn đầu tư tập trung năm 2025: 29.925 triệu đồng.

+ Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2024: 67.846 triệu đồng.

- Vốn thu tiền sử dụng đất: 10.000 triệu đồng.

2. Nguyên tắc phân bổ:

- Đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương.

- Các chương trình, dự án, nhiệm vụ được phân bổ vốn phải góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025 của huyện. Trong đó, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án phục vụ mục tiêu xây dựng huyện nông thôn mới, các dự án phát triển kinh tế - xã hội và các dự án có tác động lan tỏa nhằm đẩy mạnh việc mời gọi đầu tư. Bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện các dự án do cấp tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án.

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công 2025 nguồn vốn ngân sách huyện đảm phù hợp với khả năng cân đối thu, chi ngân sách do huyện quản lý và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác.

3. Điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025, nguồn vốn ngân sách huyện, như sau:

Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách huyện là **107.771 triệu đồng** triệu đồng, gồm 33 dự án, phân bổ chi tiết như sau:

- Chuẩn bị đầu tư: 800 triệu đồng, gồm 04 dự án.

- Thực hiện dự án: 105.971 triệu đồng, gồm 29 dự án, trong đó:

+ Dự án chuyển tiếp: 33.829 triệu đồng, gồm 13 dự án.

+ Dự án khởi công mới: 72.142 triệu đồng, gồm 16 dự án.

- Bố trí các nhiệm vụ khác: Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất): 1.000 triệu đồng.

(Danh mục và kế hoạch vốn chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị Quyết này theo quy định pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khóa XII, kỳ họp lần thứ 22 thông qua ngày 03 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh địa bàn huyện Châu Thành;
- VP HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các ban ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Văn phòng: Huyện ủy, HĐND và UBND huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP và các CV;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.



Từ Thanh Khiết

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 10/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 233/NQ-HĐND ngày 19/12/2024)			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		23
A	TỔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN (I+II+III)							695.900	260.488	435.412	111.136	32.892	39.925	29.925	10.000	107.771	97.771	10.000	67.846	-2.000	69.846		
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							0	0	0	26.098	500	800	300	500	800	300	500	0	0	0		
II	THỰC HIỆN DỰ ÁN							695.900	260.488	435.412	85.038	32.392	38.125	29.625	8.500	105.971	97.471	8.500	67.846	-2.000	69.846		
1	Dự án chuyển tiếp							480.249	132.333	347.916	77.242	28.892	33.829	26.025	7.804	33.829	26.025	7.804	0	-2.000	2.000		
2	Dự án khởi công mới							215.651	128.155	87.496	7.796	3.500	4.296	3.600	696	72.142	71.446	696	67.846	0	67.846		
III	BỔ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC												1.000	0	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0		
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí do đặc, danh ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)												1.000	0	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0		
B	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN							695.900	260.488	435.412	111.136	32.892	39.925	29.925	10.000	107.771	97.771	10.000	67.846	-2.000	69.846		
B.1	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG							642.552	247.995	394.557	62.399	22.366	29.925	29.925	0	97.771	97.771	0	67.846	-2.000	69.846		
	CHI TIẾT DỰ ÁN THEO TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC							642.552	247.995	394.557	62.399	22.366	29.925	29.925	0	97.771	97.771	0	67.846	-2.000	69.846		
I	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP							446.714	110.366	336.348	42.274	18.912	20.672	20.672	0	20.672	20.672	0	0	0	0		
I.1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ										2.624	500	300	300	0	300	300	0	0	0	0		
1	Trường THCS Tân Phú	TP				2024-2026					1.800	500	200	200		200	200					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường THCS Hòa Bình Thanh điểm phụ (Hòa Hưng)	HBT				2024-2026					824	0	100	100		100	100					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
I.2	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							446.714	110.366	336.348	39.650	18.412	20.372	20.372	0	20.372	20.372	0	0	0	0		
A	Dự án chuyển tiếp							330.046	81.194	248.852	32.550	14.912	16.772	16.772	0	16.772	16.772	0	0	0	0		
1	Trường MG Tân Phú điểm chính (Tân Lợi)	TP		8071399		2023-2026	63/QĐ-UBND 05/01/2024; 772/QĐ-UBND 13/5/2024	25.382	7.325	18.057	2.000	1.373	627	627		627	627					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP		8034285		2023-2025	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024	26.860	6.582	20.278	2.600	1.400	1.000	1.000		1.000	1.000					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL		8042959		2023-2026	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024	41.122	11.180	29.942	4.500	2.450	2.050	2.050		2.050	2.050					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 10/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 233/NQ-HĐND ngày 19/12/2024)			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		23
4	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	VA		8037332		2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024	37.735	9.476	28.259	3.891	2.610	1.281	1.281		1.281	1.281					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
5	Trường MG Bình Thạnh	BT		8027343		2022-2025	651/QĐ-SXD 15/5/2023; 954/QĐ-UBND 11/6/2024	34.464	7.566	26.898	3.071	2.022	1.049	1.049		1.049	1.049					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
6	Trường TH B Bình Thạnh điểm chính (Thanh Hòa)	BT		8026319		2022-2025	617/QĐ-UBND ngày 09/5/2023; 1508/QĐ-UBND ngày 18/9/2023; 4374/VPU BND-KTN ngày 23/08/2024	32.858	7.410	25.448	2.600	1.499	1.100	1.100		1.100	1.100					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL		8027342		2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023	25.101	5.640	19.461	1.400	839	561	561		561	561					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
8	Trường TH B Bình Hoà điểm chính (ấp Bình Phú 1)	BH		8115920		2023-2025	429/QĐ-UBND 24/11/2023	3.006	3.006		1.800	0	1.139	1.139		1.139	1.139					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
9	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông môn giai đoạn 2021-2025 huyện Châu Thành	Các xã		8036439		2021-2025	1078/QĐ-UBND 07/7/2023	85.584	17.856	67.728	6.188	2.019	4.165	4.165		4.165	4.165					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
10	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2021-2025	CT		8034288		2023-2026	145/QĐ-UBND 13/02/2023	17.934	5.153	12.781	4.500	700	3.800	3.800		3.800	3.800					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
*	Dự án khởi công mới							116.668	29.172	87.496	7.100	3.500	3.600	3.600	0	3.600	3.600	0	0	0	0		
1	Trường THCS Vĩnh An	VA		8028963		2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023	30.051	6.716	23.335	1.600	500	1.100	1.100		1.100	1.100					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường THCS Vĩnh Hạnh	VH		7977068		2024-2026	2309/QĐ-UBND 15/9/2022	44.256	12.051	32.205	3.500	1.500	2.000	2.000		2.000	2.000					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Trường THCS Bình Thạnh	BT		8006139		2024-2026	3128/QĐ-UBND 26/12/2022	42.361	10.405	31.956	2.000	1.500	500	500		500	500					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
II	HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							191.387	133.178	58.209	20.125	3.454	9.253	9.253	0	72.648	72.648	0	63.395	-2.000	65.395		
II.1	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN (DANH MỤC ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG)							1.719	1.719							1.719	1.719		1.719		1.719		
	Dự án khởi công mới							1.719	1.719							1.719	1.719		1.719		1.719		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 10/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 233/NQ-HĐND ngày 19/12/2024)			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		23
I	Gia cố sạt lở kênh Rạch Giá - Long Xuyên (đoạn chùa KhoMe Vĩnh Thành)	VT				2025	22/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	1.719	1.719							1.719	1.719		1.719		1.719	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	Công trình bổ sung Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2024
II.2	GIAO THÔNG							189.668	131.459	58.209	20.125	3.454	9.253	9.253	0	70.929	70.929	0	61.676	-2.000	63.676		
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							189.668	131.459	58.209	20.125	3.454	9.253	9.253	0	70.929	70.929	0	61.676	-2.000	63.676		
*	Dự án chuyển tiếp							96.855	38.646	58.209	20.125	3.454	9.253	9.253	0	9.253	9.253	0	0	-2.000	2.000		
1	Tuyến DH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Trĩ Tôn)	CT		7950343		2022-2025	2720/QĐ-UBND 17/11/2021; 4311/VP UBND-KTN ngày 20/08/2024	74.869	29.521	45.348	11.000	529	9.253	9.253		7.253	7.253			-2.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Tuyến DH.03 (cầu Trà Că-Bình Chánh)	CT				2022-2024	300/QĐ-UBND 15/3/2023	21.986	9.125	12.861	9.125	2.925				2.000	2.000			2.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
	Dự án khởi công mới							92.813	92.813							61.676	61.676		61.676		61.676		
1	Sửa chữa tuyến đường giao thông nông thôn (Tuyến Kênh Thanh niên)	VB				2025	26/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	7.171	7.171							7.171	7.171		7.171		7.171	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
2	Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ Đình Sơn Trung đến giáp Châu Phú	VA				2025	27/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	2.724	2.724							2.724	2.724		2.724		2.724	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Mường nhà Thĩ (đường chính qua xã Bình Thạnh)	BH				2025	29/QĐ-UBND ngày 11/02/2026	2.994	2.994							2.994	2.994		2.994		2.994	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mường Lô - Chín Quân	AH				2025	30/QĐ-UBND ngày 11/02/2027	2.837	2.837							2.837	2.837		2.837		2.837	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
5	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường DH.06 xã Vĩnh Thành (đoạn từ cầu Tân Thành 2 đến cầu Ba Dấu)	VT				2025	20/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	1.578	1.578							1.578	1.578		1.578		1.578	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện DH.08, xây dựng cầu Đúc kênh Cũ và cầu sắt Rạch lằng (Vĩnh Nhuận - Vĩnh Hạnh)	VN-VH				2025-2026	18/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	49.926	49.926							28.384	28.384		28.384		28.384	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Xây dựng mới cầu Vĩnh Nhuận - Tân Phú (thuộc tuyến đường DH.06)	VN				2025-2026	19/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	20.589	20.589							10.994	10.994		10.994		10.994	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
8	Xây dựng các ô trống, phân, cây do và một số giống cây	CT				2025	31/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	4.994	4.994							4.994	4.994		4.994		4.994	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
III	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI							4.451	4.451							4.451	4.451	0	4.451	0	4.451		
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							4.451	4.451							4.451	4.451	0	4.451	0	4.451		
	Dự án khởi công mới							4.451	4.451							4.451	4.451	0	4.451	0	4.451		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 10/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 233/NQ-HĐND ngày 19/12/2024)			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		23
1	Nâng cấp, sửa chữa công viên trước UBND xã Vĩnh Lợi	VL				2025	27/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	999	999							999	999		999		999	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi	Công trình bổ sung Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2024
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà xe, các phòng làm việc của Đảng ủy xã	VT				2025	21/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	1.131	1.131							1.131	1.131		1.131		1.131	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	
3	Nâng cấp, sửa chữa bộ phận một cửa, trụ sở UBND xã Vĩnh Lợi	VL				2025	23/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	1.188	1.188							1.188	1.188		1.188		1.188	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi	
4	Nâng cấp, sửa chữa bộ phận một cửa, trụ sở UBND xã Hoà Bình Thạnh	HBT				2025	17/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	1.133	1.133							1.133	1.133		1.133		1.133	Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình Thạnh	
B.2	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							53.348	12.493	40.855	48.737	10.526	10.000	0	10.000	10.000	0	10.000	0	0	0		
	I. CHI TIẾT DỰ ÁN THEO TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC							53.348	12.493	40.855	48.737	10.526	9.000	0	9.000	9.000	0	9.000	0	0	0		
I	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHIỆP NGHIỆP							53.348	12.493	40.855	30.216	1.921	5.286	0	5.286	5.286	0	5.286	0	0	0		
I.1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ										23.474	0	500	0	500	500	0	500	0	0	0		
1	Trường THCS An Châu	AC				2023-2026					16.000		300		300	300		300				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường TH A An Châu	AC				2024-2027					7.474		200		200	200		200				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
I.2	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							53.348	12.493	40.855	6.742	1.921	4.786	0	4.786	4.786	0	4.786	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp							53.348	12.493	40.855	6.046	1.921	4.090	0	4.090	4.090	0	4.090	0	0	0		
1	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP		8034285		2023-2025	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024				683	0	683		683	683		683				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL		8042959		2023-2026	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024				1.123	0	1.123		1.123	1.123		1.123				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hòa Thạnh)	HBT		7988714		2023-2026	2697/QĐ-UBND 08/11/2022	53.348	12.493	40.855	2.656	1.921	700		700	700		700				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
4	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quýt)	VA		8037332		2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024				504	0	504		504	504		504				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
5	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL		8027342		2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023				1.080	0	1.080		1.080	1.080		1.080				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
*	Dự án khởi công mới										696	0	696	0	696	696	0	696	0	0	0		
1	Trường THCS Vĩnh An	VA		8028963		2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023				696	0	696		696	696		696				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 10/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 233/NQ-HĐND ngày 19/12/2024)			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Tổng số	giảm (-)			tăng (+)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		23	
II	GIAO THÔNG										18.521	8.605	3.714	0	3.714	3.714	0	3.714	0	0	0			
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ										18.521	8.605	3.714	0	3.714	3.714	0	3.714	0	0	0			
*	Dự án chuyển tiếp										18.521	8.605	3.714	0	3.714	3.714	0	3.714	0	0	0			
I	Tuyến ĐH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Trĩ Tôn)	CT		7950343		2022-2025	2720/QĐ-UBND 17/11/2021;4311/VP UBND-KTN ngày 20/08/2024				18.521	8.605	3.714		3.714	3.714		3.714				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
	II. BỔ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC												1.000	0	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0			
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)												1.000		1.000	1.000		1.000						

AN